

BÁO CÁO
Tình hình giá cả thị trường tự do tháng 8 năm 2017

Theo số liệu Cục Thống kê Đắk Lắk:

Chỉ số giá tiêu dùng toàn tỉnh tháng 7/2017 giảm 0,17% so với tháng trước, tăng 0,08% so với tháng 12 năm trước và tăng 3,09% so với cùng kỳ năm trước. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,38% (Lương thực giảm 0,71%, thực phẩm giảm 0,47%, ăn uống ngoài gia đình tăng 0,04%). Ngoài ra, các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác như may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,3%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,29%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,07%; giáo dục ổn định; giao thông giảm 1,28%; bưu chính viễn thông ổn định; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,01%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,01%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,21%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,82%.

I. Tình hình diễn biến giá cả thị trường tự do tháng 8/2017 như sau:

Nhìn chung hầu hết các mặt hàng thực phẩm tăng, giảm so với tháng trước, cụ thể như sau:

1. Nhóm hàng lương thực:

Giá bình quân thóc tẻ và gạo các loại tăng nhẹ so với tháng trước. Giá bán lẻ bình quân thóc tẻ: 6.900 - 7.000 đ/kg; Giá gạo tẻ các loại trong tháng 8/2017 với mức giá: Gạo tẻ ngon loại 1: từ 17.000 - 18.000 đ/kg, gạo tẻ loại thường: 12.500 - 13.500 đ/kg.

2. Nhóm hàng thực phẩm:

- Giá bình quân thịt heo các loại ổn định so với tháng trước, với mức giá cụ thể như sau: Thịt heo mỡ sấn: 80.000 - 85.000 đ/kg, thịt heo thăn: 85.000 - 90.000 đ/kg; Giá heo hơi giảm so với tháng 7/2017, với mức giá bình quân từ 32.000 - 35.000 đ/kg; Giá bình quân thịt bò phi lê loại 1: 250.000 - 260.000 đ/kg; Thịt gà các loại: thịt gà công nghiệp nguyên con làm sẵn 55.000 - 60.000 đ/kg; Gà ta còn sống 115.000 - 120.000 đ/kg.

- Giá cá bình quân các loại tăng, giảm so với tháng trước, với mức giá cụ thể như sau: Cá thu nguyên con 170.000 - 190.000 đ/kg, giảm từ 10.000 - 12.000 đ/kg; Giá cá lóc từ 70.000 - 75.000 đ/kg; Cá chép 75.000 - 80.000 đ/kg; Cá biển loại 4 giá bình quân từ 45.000 - 50.000 đ/kg.

- Giá bình quân các loại rau xanh tăng so với tháng 7/2017, với mức giá cụ thể như sau: Rau bắp cải 15.000 - 17.000 đ/kg, tăng 1.000 - 2.000 đ/kg; bí xanh 15.000 - 17.000 đ/kg, tăng 1.000 - 2.000 đ/kg; cà chua 29.000 - 32.000 đ/kg, tăng 3.000 - 5.000 đ/kg.

- Giá thực phẩm công nghệ ổn định so với tháng trước: giá dầu ăn thực vật Simple: 44.000 - 45.000 đ/lít; muối hạt: 4.000 đ/kg; đường RE: 17.000 - 18.000 đ/kg.

3. Nhóm hàng nông sản:

Nhìn chung giá cả các mặt hàng ở nhóm hàng này diễn biến tăng, giảm so với tháng 7/2017, cụ thể như sau:

- Giá bình quân các loại đậu ổn định so với tháng trước: đậu tương: 18.000 - 19.000 đ/kg; Lạc nhân loại 1: 40.000 - 42.000 đ/kg.
- Giá bình quân cà phê nhân xô giảm 400 đ/kg so với giá bình quân tháng 7/2017, giá bình quân tháng 8/2017 là 45.160 đ/kg.
- Giá bình quân hạt tiêu đen loại 1 trong tháng 8/2017: 88.910 đ/kg, tăng so với giá bình quân tháng trước 12.000 đ/kg.

4. Giá vật tư và vật liệu xây dựng:

a/ Giá các loại vật tư:

Giá gas thể giới tăng nên các doanh nghiệp kinh doanh LPG tại Đắk Lắk điều chỉnh tăng giá bán LPG, cụ thể giá bán lẻ bình quân đến người tiêu dùng tháng 8/2017: 286.500 đồng/bình 12kg, tăng 27.000 đ/bình so với tháng trước.

Giá các loại xăng, dầu trên thị trường Đắk Lắk hầu hết ở các công ty và đại lý kinh doanh xăng dầu thực hiện mức giá điều chỉnh của các doanh nghiệp. Trong tháng 8/2017 giá xăng dầu điều chỉnh tăng, giảm cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/8 đến ngày 04/8:
 - + Xăng A92 không chì: 16.740 đ/lít.
 - + Dầu hỏa: 12.160 đ/lít.
 - + Dầu Diezen 0,05%S: 13.580 đ/lít.
- Từ ngày 04/8 đến ngày 19/8 điều chỉnh tăng:
 - + Xăng A92 không chì: 17.360 đ/lít.
 - + Dầu hỏa: 12.630 đ/lít.
 - + Dầu Diezen 0,05%S: 14.060 đ/lít.
- Từ ngày 19/8 đến ngày 31/8 điều chỉnh tăng:
 - + Xăng A92 không chì: 17.820 đ/lít.
 - + Dầu hỏa: 12.630 đ/lít.
 - + Dầu Diezen 0,05%S: 14.060 đ/lít.

b/ Giá vật liệu xây dựng:

- Trong tháng 8/2017 giá vật liệu xây dựng tăng so với tháng trước, với mức giá cụ thể: Thép tròn trơn Φ6-8mm với mức giá bình quân 16.950 đ/kg, tăng 300 đ/kg; Xi măng PCB 40 Hoàng Thạch ổn định, với mức giá 2.050 đ/kg.

5. Giá vàng và Đôla Mỹ:

Giá vàng bình quân trong tháng 8/2017 tăng so với giá vàng bình quân tháng 7/2017 từ 50.000 - 80.000 đ/chỉ, với mức giá bình quân tháng 8/2017 là 3.539.000 đ/chỉ. Tỷ giá bình quân đô la Mỹ và đồng Euro được niêm yết tại Ngân hàng Thương mại vào tháng 8/2017 cụ thể như sau: Tỷ giá đô la Mỹ là 22.763 đ/USD, giảm 2 đ/USD; Tỷ giá đồng Euro là 27.013,63 đ/Euro, tăng 680 đ/Euro so với tháng 7/2017.

II. Tình hình thực hiện công tác quản lý giá & công sản trong tháng 8/2017:

- Trình UBND tỉnh :
 - + Đề nghị phê duyệt phương án giá nước sạch của công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng.
 - + Ban hành Quyết định Quy định: Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh; giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh; giá cụ thể, giá tối đa dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh.
 - + Góp ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông; hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; góp ý kiến vào Dự thảo Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
 - + Phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên địa bàn.
 - + Đề nghị điều chuyển tài sản nhà nước là xe ô tô của các đơn vị trên địa bàn tỉnh trong quá trình sắp xếp và xử lý xe ô tô dôi dư theo Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
 - + Thanh lý tài sản nhà nước cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh.
 - Thông báo thẩm định giá mua sắm cho các đơn vị.
- Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Cục Quản lý giá Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- BGĐ Sở TC;
- Phòng TCKH các huyện, thị xã, thành phố.
- Lưu: VT, CSVG (Th-23b).



Đinh Xuân Diệu

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 8 NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 2143/BC-STC, ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Sở Tài chính Đắk Lắk)

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	07/2016	08/2017	Tăng giảm		Ghi chú
					Mức	%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5-4)	(7=6/5)	
1	Giá bán lẻ						
1.001	Thóc tẻ thường	đ/kg	6.914	6.983	69	0,98	
1.002	Gạo tẻ thường	đ/kg	13.000	13.326	326	2,45	
1.003	Gạo thơm Đài Loan	đ/kg	17.238	17.304	66	0,38	
1.004	Thịt lợn thăn	đ/kg	90.000	90.000	0	0,00	
1.005	Thịt lợn mông sẵn	đ/kg	85.000	85.000	0	0,00	
1.006	Thịt bò phi lê	đ/kg	260.000	260.000	0	0,00	
1.007	Gà công nghiệp (làm sạch)	đ/kg	60.000	60.000	0	0,00	
1.008	Gà ta còn sống	đ/kg	120.000	120.000	0	0,00	
1.009	Cá lóc (cá quả)	đ/kg	70.000	72.174	2.174	3,01	
1.010	Cá chép/trắm	đ/kg	75.000	76.087	1.087	1,43	
1.011	Cá biển loại 4	đ/kg	50.000	50.000	0	0,00	
1.012	Cá thu nguyên con	đ/kg	200.000	187.391	-12.609	-6,73	
1.013	Giò lụa	đ/kg	110.000	110.000	0	0,00	
1.014	Rau bắp cải	đ/kg	14.810	16.217	1.408	8,68	
1.015	Bí xanh	đ/kg	14.857	16.391	1.534	9,36	
1.016	Cà chua	đ/kg	24.762	29.261	4.499	15,38	
1.017	Dầu ăn thực vật Simple	đ/lít	44.000	44.000	0	0,00	
1.018	Muối hạt	đ/kg	4.000	4.000	0	0,00	
1.019	Đường RE	đ/kg	17.000	17.000	0	0,00	
1.020	Sữa Ông Thọ	đ/hộp	19.000	19.000	0	0,00	
1.021	Bia chai Sài Gòn	đ/két	130.000	130.000	0	0,00	
1.022	Bia hộp Sài Gòn	đ/thùng	210.000	214.130	4.130	1,93	
1.023	Cocacola	đ/thùng	180.000	180.000	0	0,00	
1.024	7 up lon	đ/thùng	170.000	170.000	0	0,00	
1.025	Rượu vang nội chai 750ml	đ/chai	80.000	80.000	0	0,00	
1.026	Thuốc Vitamin C nội 500mg	đ/vĩ	8.000	8.000	0	0,00	
1.027	Thuốc Ampicillin nội 250mg	đ/vĩ	11.000	11.000	0	0,00	
1.029	Thuốc bảo vệ thực vật	đ/chai	91.350	91.350	0	0,00	
1.030	Thức ăn chăn nuôi sản xuất CN	đ/kg	14.700	14.700	0	0,00	
1.031	Lốp xe máy nội loại 1	đ/chiếc	230.000	230.000	0	0,00	
1.032	Ti vi 21" LG	đ/chiếc	2.100.000	2.100.000	0	0,00	
1.033	Tủ lạnh 150lít 2 cửa sanyo	đ/chiếc	4.000.000	4.000.000	0	0,00	
1.035	Phân Urê Phú Mỹ	đ/kg	7.400	7.070	-330	-4,67	
1.036	Phân SA Nhật	đ/kg	4.200	4.530	330	7,29	
1.037	Xi măng PCB 40 Hoàng Thạch	đ/kg	1.980	1.980	0	0,00	
1.038	Thép XD Φ 6-8 LD	đ/kg	16.650	16.950	300	1,77	
1.039	Ống nhựa Bình Minh Φ90x2,9mm	đ/mét	54.000	54.000	0	0,00	
1.040	Ống nhựa Bình Minh Φ21x1,6mm	đ/mét	7.000	7.000	0	0,00	

1.041	Xăng A92	đ/lít	16.560	17.459	899	5,15	
1.042	Dầu hoả	đ/lít	12.058	12.569	511	4,07	
1.043	Diesel 0,05S	đ/lít	13.333	13.997	664	4,74	
1.044	Gar Petro (VN/SG)	đ/b	259.500	286.500	27.000	9,42	
1.045	Cước ô tô liên tỉnh Đắk Lắk - HCM	đ/vé	173.000	173.000	0	0,00	
1.046	Cước taxi	đ/km	12.000	12.000	0	0,00	
1.047	Cước xe buýt (<12km)	đ/vé	10.000	10.000	0	0,00	
1.048	Công may quần áo nam/ nữ	đ/c	130.000	130.000	0	0,00	
1.049	Trông giữ xe máy	đ/lần	3.000	3.000	0	0,00	
1.050	Vàng 99,99%	đ/chỉ	3.459.619	3.539.043	79.424	2,24	
1.053	Đôla Mỹ (NHTM)	đ/USD	22.765	22.763	-2	-0,01	
1.056	Euro (NHTM)	đ/Euro	26.333,73	27.013,63	680	2,52	
2	Giá mua nông sản		0	0			
2.006	Lợn hơi	đ/kg	37.905	33.630	-4.274	-12,71	
2.011	Xoài	đ/kg	50.476	51.087	611	1,20	
2.012	Thanh long	đ/kg	25.714	21.957	-3.757	-17,11	
2.013	Cà phê nhân xô loại 1	đ/kg	45.562	45.161	-401	-0,89	
2.014	Hạt tiêu đen	đ/kg	76.905	88.913	12.008	13,51	
2.017	Đậu tương loại 1 (đậu nành)	đ/kg	19.000	19.000	0	0,00	
2.018	Lạc nhân loại 1	đ/kg	40.000	40.000	0	0,00	